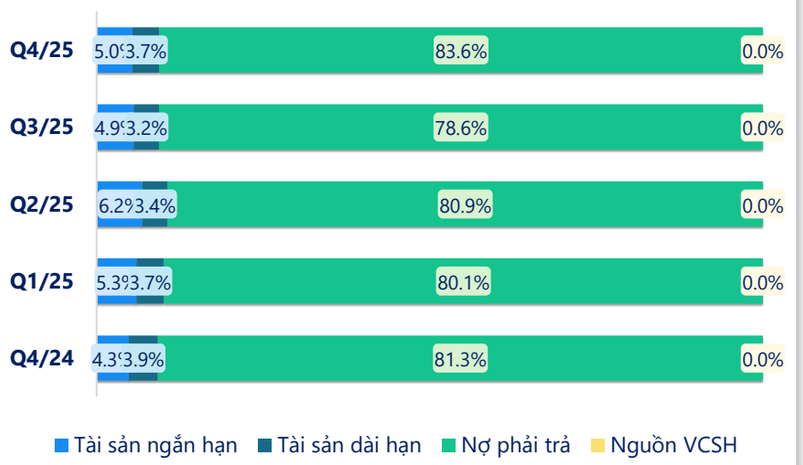
FireAnt

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (UPCOM: PGB)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,292
SL cổ phiếu LH	999,996,424
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,540
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,400
P/E	20.7
EPS	599

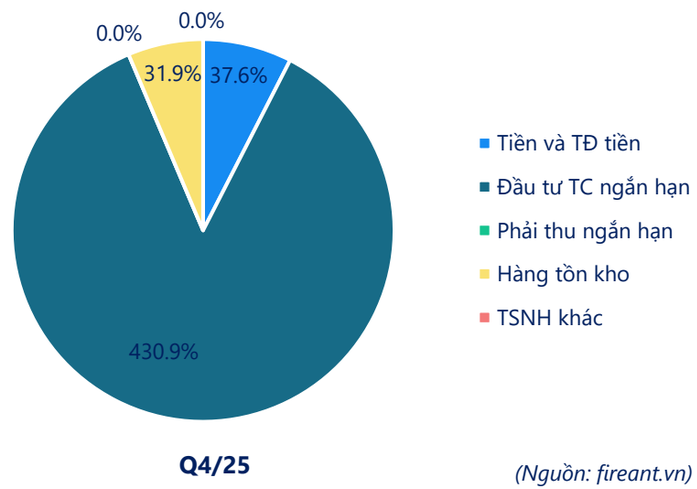
	YTD	1T	3T	6T
PGB	13.3%	-4.6%	-1.7%	15.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



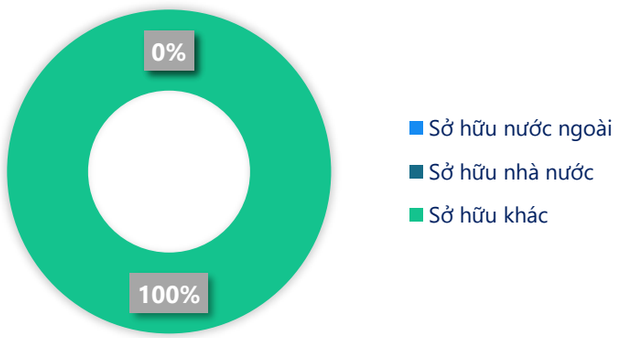
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



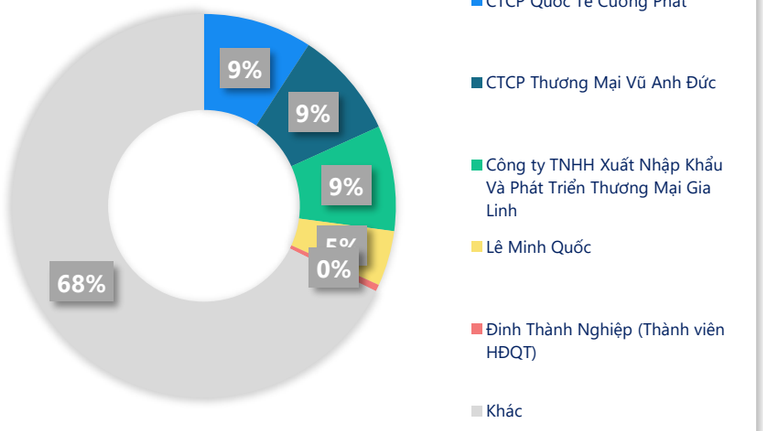
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



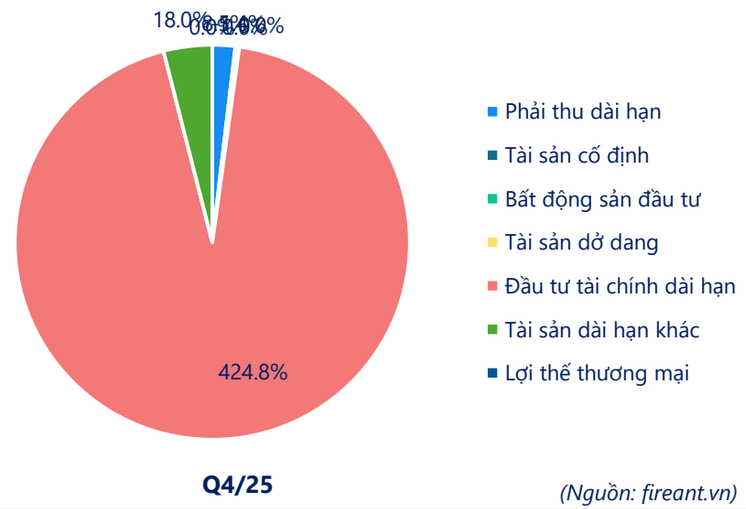
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

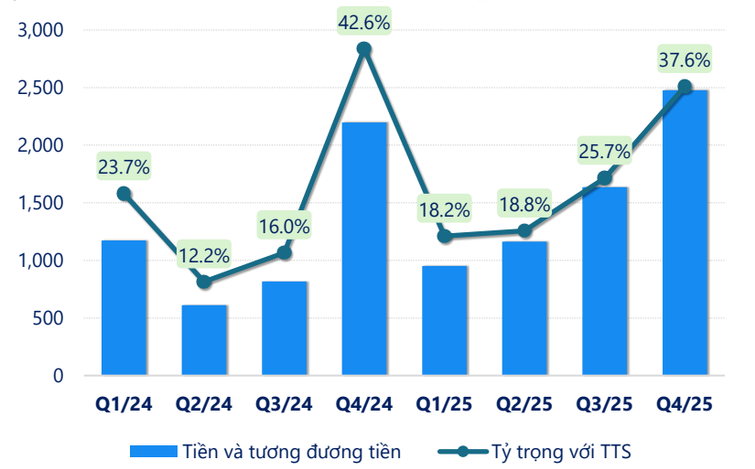


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

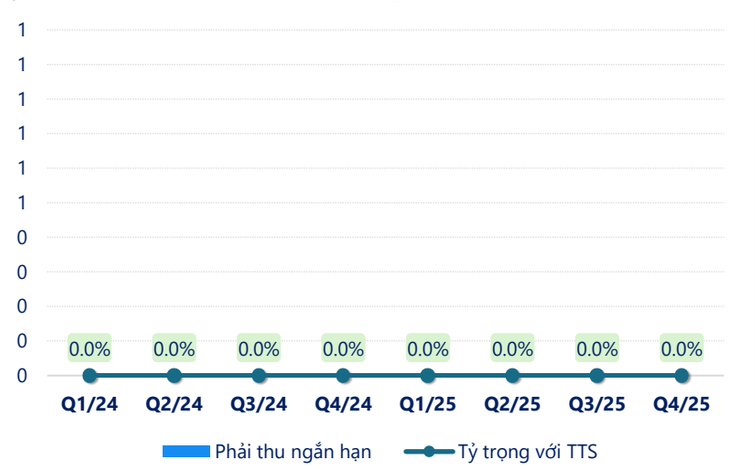
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (UPCOM: PGB)

Tiền và tương đương tiền



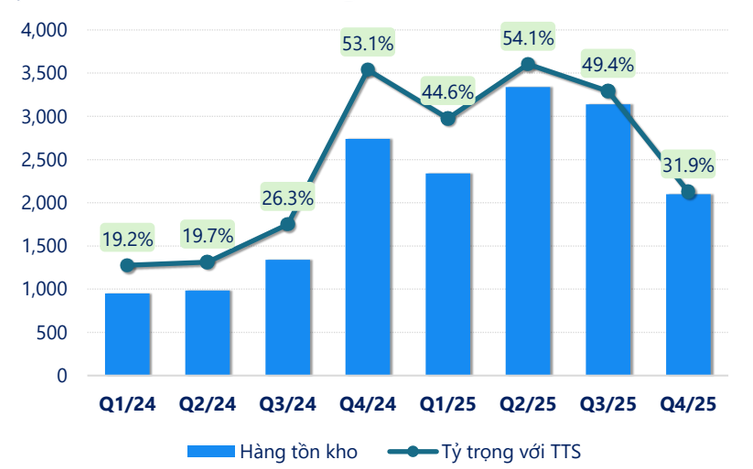
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



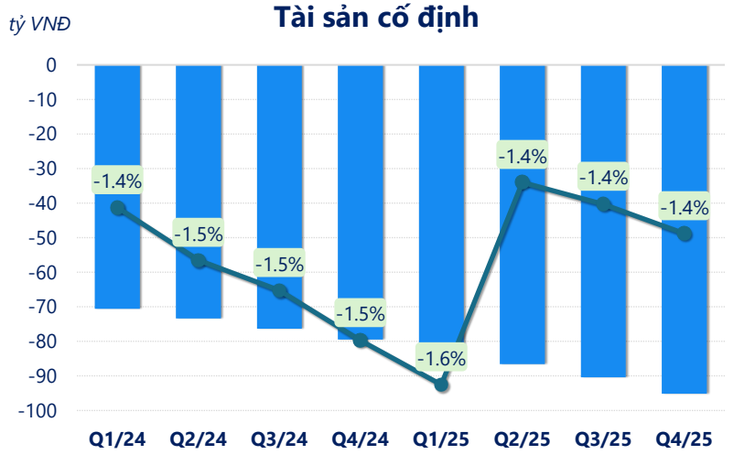
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



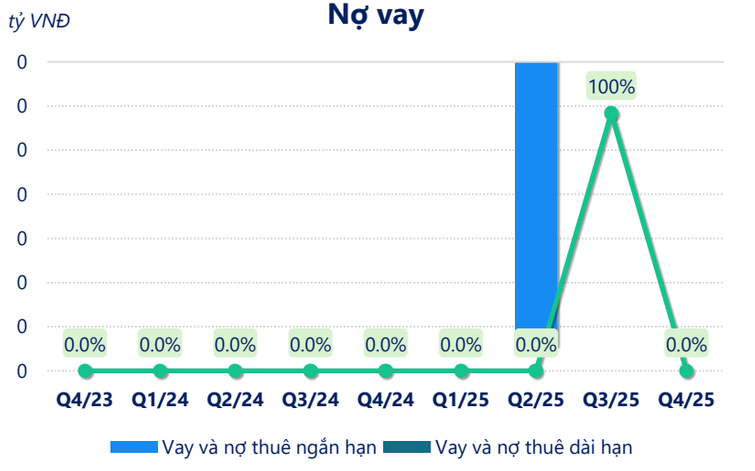
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



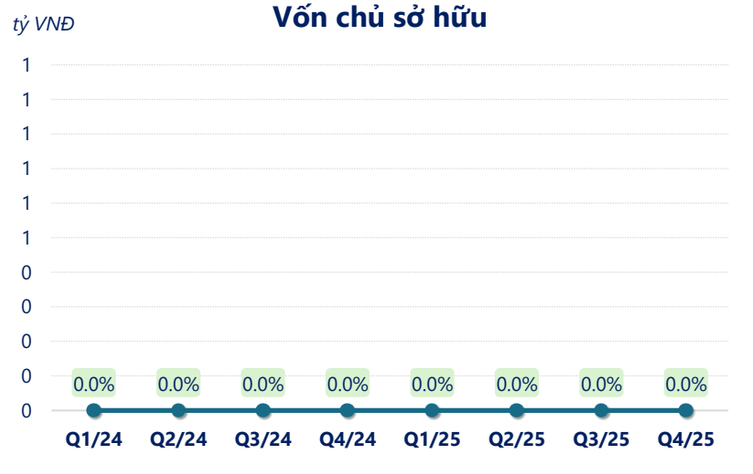
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

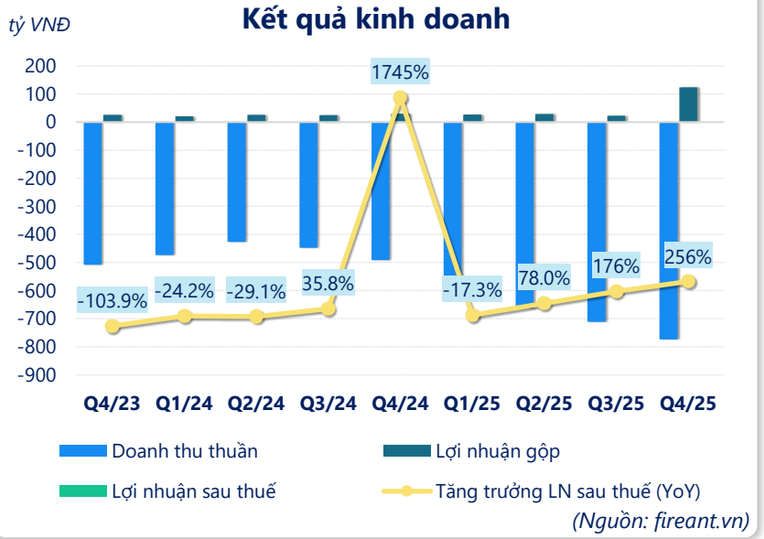


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

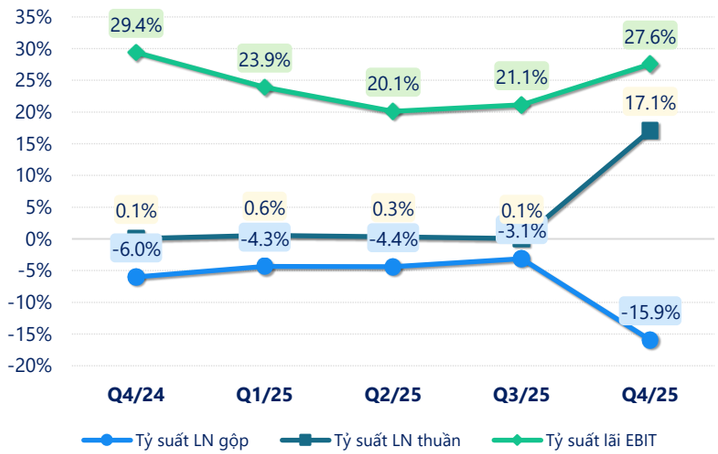
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (UPCOM: PGB)

Kết quả kinh doanh



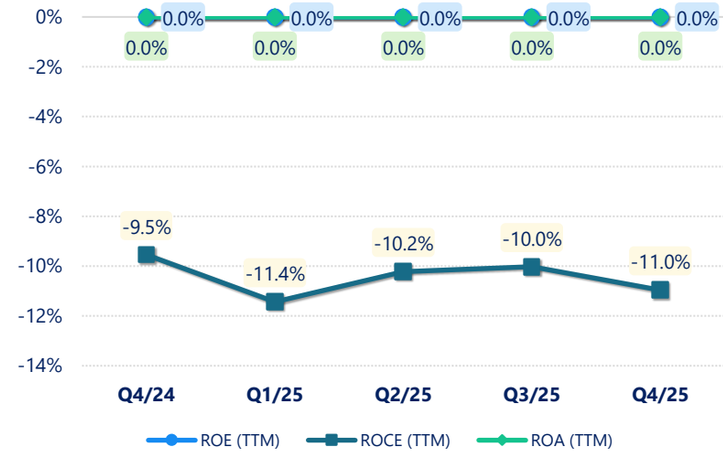
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



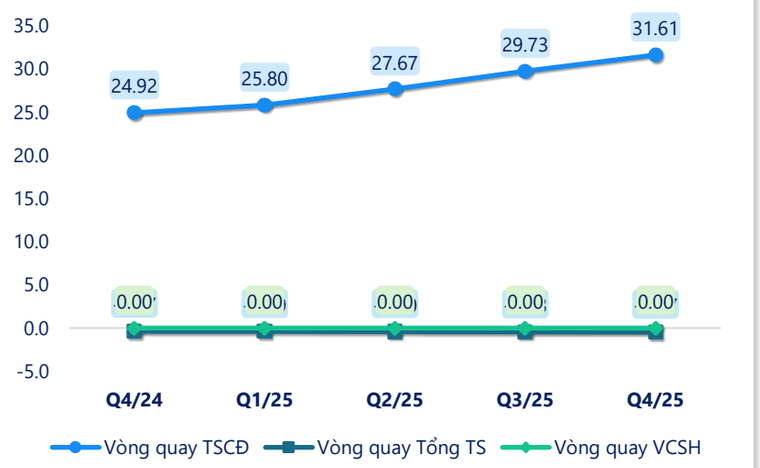
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



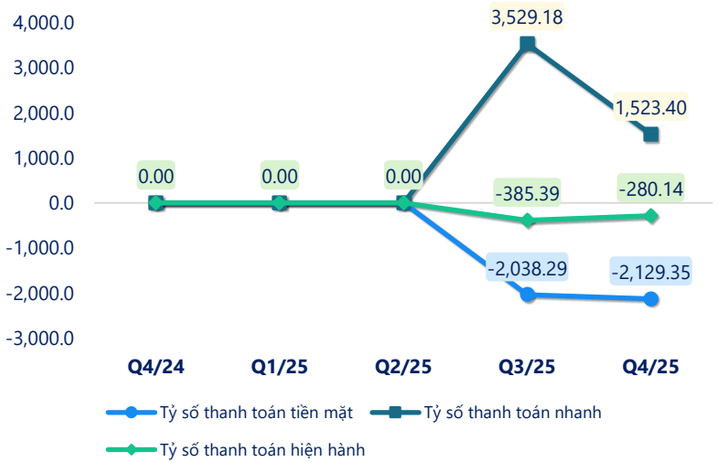
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



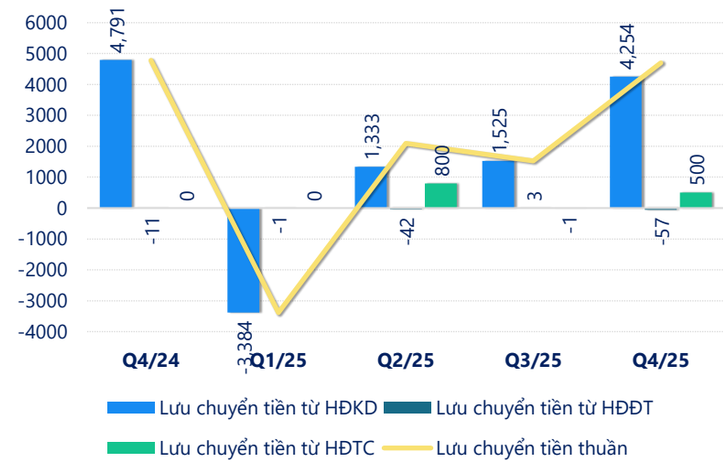
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (UPCOM: PGB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,579**	**5,166**	**27.4%**
Tài sản ngắn hạn	326	225	45.1%
Tiền và tương đương tiền	2,476	2,197	12.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28,352	23,802	19.1%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	2,098	2,739	-23.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**245**	**200**	**22.1%**
Phải thu dài hạn	558	488	14.2%
Tài sản cố định	-95.2	-79.5	-19.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	27,946	20,661	35.3%
Tài sản dài hạn khác	**1,186**	**1,164**	**1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,500	4,200	31.0%
Nợ ngắn hạn	**-1.16**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-491	-613	-663	-711	-774
Giá vốn hàng bán	11.4	13.5	13.9	5.08	100
Lợi nhuận gộp	29.5	26.4	29.2	22.2	123
Doanh thu HĐTC	-18.1	-12.9	-15.3	-17.1	-23.1
Chi phí TC	3.57	13.4	29.6	30.1	20.3
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-57.3	2.59	-18.5	80.0	-21.3
Chi phí bán hàng	166	17.8	51.9	43.9	164
Chi phí QLDN	166	21.3	54.2	44.5	296
LN thuần từ HĐKD	-0.27	-3.48	-2.24	-0.52	-132
Lợi nhuận khác	221	242	303	363	485
LN trước thuế	-144	-147	-133	-150	-213
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,791	-3,384	1,333	1,525	4,254
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.8	-0.93	-41.7	2.58	-56.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	800	-0.74	500
Tiền đầu kỳ	21,443	26,224	22,839	24,930	26,457
Lưu chuyển tiền thuần	**4,781**	**-3,385**	**2,091**	**1,527**	**4,697**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26,224	22,839	24,930	26,457	31,154

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic